

## **Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí**

Các báo cáo tài chính riêng

31 tháng 12 năm 2012

# Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh các báo cáo tài chính riêng	10 - 37

# Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 1 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	11 tháng 9 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ hai	28 tháng 10 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ ba	5 tháng 12 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ tư	25 tháng 12 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ năm	18 tháng 3 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 7 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ bảy	24 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ tám	7 tháng 9 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ chín	22 tháng 2 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười	28 tháng 6 năm 2012

Hoạt động chính trong năm của Công ty là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 11, Toà nhà Petroland, 12 Tân Trào, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh tại Tỉnh Cà Mau.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Kính	Thành viên	
Ông Đinh Việt Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Trung	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Ông Phạm Thanh Sơn	Trưởng ban kiểm soát	Từ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Ông Huỳnh Minh Triết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Tiến Minh Trí	Thành viên	Từ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2012
Bà Huỳnh Mai	Thành viên	

# Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Văn Mạnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hùng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kính	Phó Tổng Giám đốc

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Văn Mạnh.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc đã cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty là công ty mẹ của công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 11 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Trần Văn Mạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Số tham chiếu: 61041700/16145788

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí ("Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 37 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Các báo cáo tài chính của Công ty vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác, phát hành báo cáo kiểm toán ngày 16 tháng 1 năm 2012 của họ đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần cho các báo cáo tài chính này.

### Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính riêng có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo tài chính riêng, trong đó trình bày việc Công ty là công ty mẹ của công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Mai Việt Hùng Trần  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: D.0048/KTV



Lê Vũ Trường  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: N.1588/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>404.305.781.595</b>	<b>224.183.501.881</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>162.130.111.713</b>	<b>86.675.004.295</b>
111	1. Tiền		29.130.111.713	2.979.004.295
112	2. Các khoản tương đương tiền		133.000.000.000	83.696.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>11</b>	<b>835.646.000</b>	<b>-</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		835.646.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>192.620.845.229</b>	<b>105.218.280.192</b>
131	1. Phải thu khách hàng	5	100.537.695.310	57.967.075.539
132	2. Trả trước cho người bán	6	84.715.381.348	40.179.921.588
135	3. Các khoản phải thu khác	7	7.367.768.571	7.071.283.065
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>42.573.700.738</b>	<b>31.863.243.394</b>
141	1. Hàng tồn kho		42.573.700.738	31.863.243.394
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.145.477.915</b>	<b>426.974.000</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		172.839.925	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.959.532.302	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		13.105.688	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	426.974.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>107.588.848.116</b>	<b>45.575.839.161</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>55.456.881.720</b>	<b>4.246.360.158</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	53.457.715.921	4.246.360.158
222	Nguyên giá		57.874.184.504	6.867.815.322
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.416.468.583)	(2.621.455.164)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.999.165.799	-
228	Nguyên giá		2.204.992.914	204.992.914
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(205.827.115)	(204.992.914)
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>50.726.687.800</b>	<b>41.200.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		9.526.687.800	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		2.500.000.000	2.500.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		41.000.000.000	41.000.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.405.278.596</b>	<b>129.479.003</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.392.278.596	116.479.003
268	2. Tài sản dài hạn khác		13.000.000	13.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>511.894.629.711</b>	<b>269.759.341.042</b>


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2012


VND

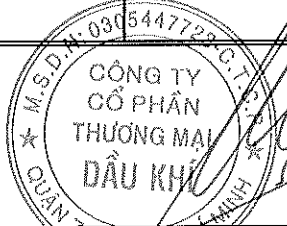
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>259.252.968.560</b>	<b>181.090.508.024</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>209.013.993.660</b>	<b>181.077.214.524</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	79.890.819.326	-
312	2. Phải trả người bán	14	97.064.166.503	140.051.964.072
313	3. Người mua trả tiền trước	15	2.807.949.504	16.382.477.751
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.615.313.893	10.934.293.706
315	5. Phải trả người lao động		4.831.143.015	5.814.621.277
316	6. Chi phí phải trả	17	12.604.037.723	1.708.000.000
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	3.712.335.805	1.812.249.235
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.488.227.891	4.373.608.483
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>50.238.974.900</b>	<b>13.293.500</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán	26	50.238.731.400	-
333	2. Phải trả dài hạn khác		243.500	13.293.500
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>252.641.661.151</b>	<b>88.668.833.018</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>252.641.661.151</b>	<b>88.668.833.018</b>
411	1. Vốn cổ phần		200.000.000.000	50.000.000.000
416	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(627.153.704)
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		27.339.344.475	20.162.001.709
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		5.203.339.752	4.007.115.958
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.098.976.924	15.126.869.055
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>511.894.629.711</b>	<b>269.759.341.042</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (US\$)	848.319,73	82.749,72
- Euro (EUR)	403,29	402,96

  
Phạm Thị Hồng Yến  
Người lập

  
Nguyễn Ngọc Anh  
Kế toán trưởng

  
Trần Văn Mạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	1.101.132.733.699	741.146.349.196
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(3.021.640.244)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	1.098.111.093.455	741.146.349.196
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21, 24	(1.030.415.791.068)	(674.958.585.650)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		67.695.302.387	66.187.763.546
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	18.228.845.987	11.225.602.998
22	7. Chi phí tài chính	22	(2.850.494.450)	(5.101.368.869)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(907.980.523)	(769.724.687)
24	8. Chi phí bán hàng	24	(27.749.278.387)	(21.879.523.932)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(22.974.206.785)	(22.339.279.315)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		32.350.168.752	28.093.194.428
31	11. Thu nhập khác	23	1.160.731.543	830.685.922
32	12. Chi phí khác	23	(949.629.709)	(366.310.465)
40	13. Lợi nhuận khác	23	211.101.834	464.375.457
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		32.561.270.586	28.557.569.885
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(8.264.986.157)	(7.247.887.312)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		24.296.284.429	21.309.682.573

Phạm Thị Hồng Yến  
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh  
Kế toán trưởng



Trần Văn Mạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>32.561.270.586</b>	<b>28.557.569.885</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao, khấu trừ tài sản cố định	9,10	1.795.847.620	1.102.659.567
03	Các khoản dự phòng		-	2.300.000.000
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	22	124.031.797	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	20.2	(17.594.801.933)	(7.971.234.068)
06	Chi phí lãi vay	22	907.980.523	769.724.687
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>17.794.328.593</b>	<b>24.758.720.071</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(91.466.096.096)	2.896.164.744
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(10.710.457.344)	19.530.781.433
11	Giảm các khoản phải trả		(45.872.217.095)	(26.925.742.586)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.448.639.518)	1.298.427.896
13	Tiền lãi vay đã trả		(750.850.800)	(769.724.687)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.583.042.008)	(2.260.326.334)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(3.785.380.592)	(3.743.550.268)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(151.822.354.860)</b>	<b>14.784.750.269</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(2.767.637.782)	(2.241.589.091)
23	Tiền mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.900.000.000)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.2	(9.526.687.800)	(41.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.761.198.823	-
27	Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	7, 20.2	14.417.818.221	7.971.234.068
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>2.984.691.462</b>	<b>(35.270.355.023)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	19.1	150.000.000.000	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		116.071.610.190	42.230.188.581
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(36.180.790.864)	(62.230.188.581)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(5.640.122.600)	(5.733.968.350)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		224.250.696.726	(25.733.968.350)
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		75.413.033.328	(46.219.573.104)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	86.675.004.295	132.894.577.399
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		42.074.090	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	162.130.111.713	86.675.004.295

Phạm Thị Hồng Yến  
Người lập

Nguyễn Ngọc Anh  
Kế toán trưởng



Trần Văn Mạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103008984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 1 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	11 tháng 9 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ hai	28 tháng 10 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ ba	5 tháng 12 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ tư	25 tháng 12 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ năm	18 tháng 3 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ sáu	11 tháng 7 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ bảy	24 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ tám	7 tháng 9 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ chín	22 tháng 2 năm 2012
Điều chỉnh lần thứ mười	28 tháng 6 năm 2012

Công ty có một (1) công ty con và một (1) công ty liên kết như được trình bày ở Thuyết minh số 11 của các báo cáo tài chính riêng.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 11, Toà nhà Petroland, 12 Tân Trào, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có một 1 chi nhánh tại Tỉnh Cà Mau.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 116 người (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 99 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty là công ty mẹ của công ty con và công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 11 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4) và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

**2.4 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Việt Nam Đồng ("VND").

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã chuyển sang áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10") và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"). CMKTVN số 10 và Thông tư 179 khác với Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201") hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá mà Công ty đã sử dụng trong kỳ trước để hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá như sau:

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)**

**Nghiệp vụ**

**Xử lý kế toán theo**

**CMKTVN số 10**

**Thông tư 201**

Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán riêng và sẽ được hoàn nhập trong năm tiếp theo.

Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

- Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng các năm sau. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong kỳ ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong vòng 5 năm tiếp theo.

**Thông tư 179**

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại cuối năm.

Tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản.

Tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày báo cáo.

CMKTVN số 10 và Thông tư 179 được áp dụng từ năm 2012 trên cơ sở phi hồi tố. Ảnh hưởng của việc thay đổi trong đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm đến các báo cáo tài chính riêng vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu trên tổng thể.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc ít hơn 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa và sản phẩm dở dang - chi phí mua theo phương pháp nhập trước xuất trước

*Dự phòng cho hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán riêng. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê.

**3.7 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa & vật kiến trúc	50 năm
Phương tiện vận tải	4 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm vi tính	3 năm
Tài sản cố định khác	4 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Đầu tư vào công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.12 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 42 của Bộ luật Lao động.

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty đã áp dụng CMKTVN số 10 và Thông tư 179 để hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá từ năm 2012.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vào thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Cách xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN số 10 nói trên khác biệt so với quy định trong Thông tư 201 đã được Công ty áp dụng trong năm 2011. Các khác biệt giữa CMKTVN số 10/Thông tư 179 và Thông tư 201 và ảnh hưởng của việc thay đổi đối với các báo cáo tài chính riêng của năm 2012 được trình bày trong Thuyết minh 3.1.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thông thường là khi biên bản nghiệm thu hoàn thành.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.18 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.19 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay, các khoản phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	481.680.771	241.070.786
Tiền gửi ngân hàng	23.547.280.701	2.737.933.509
Tiền đang chuyển	5.101.150.241	-
Tương đương tiền	<u>133.000.000.000</u>	<u>83.696.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>162.130.111.713</u></b>	<b><u>86.675.004.295</u></b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn dưới ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và hưởng lãi suất bình quân từ 8% đến 9% một năm.

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	32.393.623.043	1.945.979.309
Phải thu các bên thứ ba	<u>68.144.072.267</u>	<u>56.021.096.230</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>100.537.695.310</u></b>	<b><u>57.967.075.539</u></b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên thứ ba	<u>84.715.381.348</u>	<u>40.179.921.588</u>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự thu lãi tiền gửi	1.480.138.889	-
Phải thu khác	<u>5.887.629.682</u>	<u>7.071.283.065</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.367.768.571</u></b>	<b><u>7.071.283.065</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 26</i> )	2.512.880	2.512.880
Phải thu bên thứ ba	<u>7.365.255.691</u>	<u>7.068.770.185</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	<u>42.573.700.738</u>	<u>31.863.243.394</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Tổng Công ty Dầu Việt Nam</i>	25.648.231.603	16.152.920.332
<i>Dự án Nam Rồng Đồi Mồi (i)</i>	13.016.560.711	13.016.560.711
<i>Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí Trong Nước</i>	2.916.965.079	-
<i>Hợp đồng cung cấp thiết bị cho Liên Doanh Việt-Nga</i>	-	1.235.508.750
<i>Các hợp đồng khác</i>	991.943.345	1.458.253.601

- (i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thể hiện các khoản chi phí cho dự án Nam Rồng Đồi Mồi đã hoàn thành vào năm 2009. Tuy nhiên, tiến trình nghiệm thu và hóa đơn vẫn chưa hoàn tất với khách hàng. Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tồn đọng này có thể thu hồi được hoàn toàn trong thời gian sắp tới.

## Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa & vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VNĐ
Số đầu năm	32.188.800	5.043.370.468	1.688.641.306	103.614.748	6.867.815.322
Mua mới trong năm	46.521.544.881	1.072.563.636	3.412.260.665	-	51.006.369.182
Số cuối năm	46.553.733.681	6.115.934.104	5.100.901.971	103.614.748	57.874.184.504
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	-	-	1.054.854.276	84.114.748	1.138.969.024
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	18.240.320	1.294.107.579	1.235.239.055	73.868.210	2.621.455.164
Khấu hao trong năm	315.555.139	915.045.341	544.741.401	19.671.538	1.795.013.419
Số cuối năm	333.795.459	2.209.152.920	1.779.980.456	93.539.748	4.416.468.583
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	13.948.480	3.749.262.889	453.402.251	29.746.538	4.246.360.158
Số cuối năm	46.219.938.222	3.906.781.184	3.320.921.515	10.075.000	53.457.715.921

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	-	204.992.914	204.992.914
Mua mới	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Số cuối năm	2.000.000.000	204.992.914	2.204.992.914
<i>Trong đó</i>			
<i>Đã khấu trừ hết</i>	-	204.992.914	204.992.914
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	-	204.992.914	204.992.914
Khấu trừ trong năm	834.201	-	834.201
Số cuối năm	834.201	204.992.914	205.827.115
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	-	-	-
Số đầu năm	1.999.165.799	-	1.999.165.799

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>		
Đầu tư chứng khoán ( <i>Thuyết minh số 11.1</i> )	835.646.000	-
<b>Giá trị còn lại của các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>835.646.000</b>	<b>-</b>
<b>Đầu tư dài hạn</b>		
Đầu tư vào công ty con ( <i>Thuyết minh số 11.2</i> )	9.526.687.800	-
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 11.3</i> )	2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác ( <i>Thuyết minh số 11.4</i> )	41.000.000.000	41.000.000.000
Dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
<b>Giá trị còn lại của các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>50.726.687.800</b>	<b>41.200.000.000</b>

**11.1 Đầu tư chứng khoán**

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị đầu tư (VNĐ)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội	85.270	835.646.000	-	-



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)**

**11.2 Đầu tư của công ty mẹ vào công ty con**

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
		Số cuối năm	Số đầu năm		
Công ty Cổ phần Thương Mại Năng Lượng Xanh	51	9.526.687.800	-	Vũng Tàu	Kinh doanh chất phụ gia xăng dầu

VND

**11.3 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
		Số cuối năm	Số đầu năm		
Công ty Cổ phần Hậu Cần Dầu Khí	25	2.500.000.000	2.500.000.000	Thanh Hóa	Dịch vụ hậu cần

VND

**11.4 Đầu tư dài hạn khác**

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	Số tiền (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Số tiền (VND)
Công ty xây dựng trang trí kiến trúc ADC	1.000.000	17.000.000.000	1.000.000	17.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	1.100.000	11.000.000.000	1.100.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.400.000</b>	<b>41.000.000.000</b>	<b>3.400.000</b>	<b>41.000.000.000</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo trì tòa nhà	910.121.946	-
Công cụ, dụng cụ	437.406.075	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	44.750.575	116.479.003
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.392.278.596</b>	<b>116.479.003</b>

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	79.890.819.326	-

Chi tiết vay ngắn hạn như sau:

Tên ngân hàng	Giá trị ban đầu		Nợ gốc	Ngày đến hạn	Lãi suất	Mô tả tài sản thế chấp
	USD	VND				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	1.894.463	39.477.834.366		Từ ngày 20 tháng 2 đến ngày 21 tháng 6 năm 2013	4%	Tín chấp
Ngân Hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	1.456.480	30.335.565.440		Từ ngày 21 tháng 1 đến ngày 10 tháng 2 năm 2013	Từ 4% đến 4,2%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP.HCM	483.840	10.077.419.520		Ngày 24 tháng 1 năm 2013	5%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.834.783</b>	<b>79.890.819.326</b>				

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 26)	42.058.782.600	-
Phải trả cho bên thứ ba	55.005.383.903	140.051.964.072
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97.064.166.503</b>	<b>140.051.964.072</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
Các bên liên quan trả tiền trước	-	7.713.687.701
Người mua trả tiền trước	2.807.949.504	8.668.790.050
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.807.949.504</b>	<b>16.382.477.751</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.1)	1.870.318.517	9.188.374.368
Thuế thu nhập cá nhân	1.744.995.376	270.549.795
Thuế giá trị gia tăng	-	1.475.369.543
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.615.313.893</b>	<b>10.934.293.706</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Cù Lao Tào	1.754.499.900	-
Chi phí phải trả cho dự án phần mềm bản quyền Microsoft	10.692.408.100	-
Lãi vay	157.129.723	-
Chi phí phải trả cho dự án nâng cấp server T-32	-	1.708.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.604.037.723</b>	<b>1.708.000.000</b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	2.375.603.050	965.115.650
Phải trả lãi trả chậm	827.264.444	-
Kinh phí công đoàn	294.606.255	343.136.877
Bảo hiểm xã hội	158.752.508	3.996.708
Bảo hiểm y tế	33.740.700	-
Bảo hiểm thất nghiệp	14.122.000	-
Chi phí văn phòng và bảo trì	8.246.848	500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.712.335.805</b>	<b>1.812.249.235</b>

## Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 19.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư & phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
						VNĐ
<b>Năm trước:</b>						
Số đầu năm	50.000.000.000	(448.672.631)	13.769.096.936	2.941.631.830	12.236.595.899	78.498.652.034
Chênh lệch tỷ giá hối đoái ngoại tệ	-	(178.481.073)	-	-	-	(178.481.073)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	21.309.682.573	21.309.682.573
Trích lập quỹ	-	-	6.392.904.773	1.065.484.128	(7.458.388.901)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.699.084.000)	(6.699.084.000)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.261.936.516)	(4.261.936.516)
Số cuối năm	50.000.000.000	(627.153.704)	20.162.001.709	4.007.115.958	15.126.869.055	88.668.833.018
<b>Năm nay:</b>						
Số đầu năm	50.000.000.000	(627.153.704)	20.162.001.709	4.007.115.958	15.126.869.055	88.668.833.018
Tăng vốn	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000
Ghi giảm chênh lệch tỷ giá hối đoái ngoại tệ	-	627.153.704	-	-	-	627.153.704
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	24.296.284.429	24.296.284.429
Trích lập quỹ	-	-	7.177.342.766	1.196.223.794	(8.373.566.560)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.050.610.000)	(7.050.610.000)
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.900.000.000)	(3.900.000.000)
Số cuối năm	200.000.000.000	-	27.339.344.475	5.203.339.752	20.098.976.924	252.641.661.151

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

			VND
	Số tiền theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	%	Vốn cổ phần đã góp
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	58.000.000.000	29	58.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Trảng An	46.200.000.000	23	46.200.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	29.800.000.000	15	29.800.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát Triển TP.HCM	22.000.000.000	11	22.000.000.000
Các chủ sở hữu khác	44.000.000.000	22	44.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>200.000.000.000</b>

**19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ phiếu đã phát hành trong năm</b>		
Số đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Tăng trong năm	150.000.000.000	-
Số cuối năm	200.000.000.000	50.000.000.000
<b>Cổ tức</b>		
Chia cổ tức	7.050.610.000	6.699.084.000
Cổ tức đã trả	5.640.122.600	5.733.968.350

**19.4 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số lượng	Số lượng
Cổ phiếu đã được duyệt	20.000.000	5.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	20.000.000	5.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	5.000.000

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**20. DOANH THU**

**20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.101.132.733.699</b>	<b>741.146.349.196</b>
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	1.074.478.149.006	716.420.614.723
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	26.654.584.693	24.725.734.473
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(3.021.640.244)</b>	<b>-</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(3.021.640.244)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.098.111.093.455</b>	<b>741.146.349.196</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng</i>	1.071.456.508.762	716.420.614.723
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	26.654.584.693	24.725.734.473

**20.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	14.387.034.679	7.971.234.068
Lãi do bán các khoản đầu tư ngắn hạn	1.696.844.823	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.510.922.431	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	477.467.481	3.254.368.930
Chiết khấu thanh toán được nhận	156.576.573	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.228.845.987</b>	<b>11.225.602.998</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.024.518.694.148	671.449.117.601
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.897.096.920	3.509.468.049
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.030.415.791.068</b>	<b>674.958.585.650</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	991.217.686	2.031.644.182
Lãi tiền vay	907.980.523	769.724.687
Lãi mua hàng trả chậm	827.264.444	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	124.031.797	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	2.300.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.850.494.450</b>	<b>5.101.368.869</b>

**23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.160.731.543</b>	<b>830.685.922</b>
Thu tiền phạt chậm giao hàng của nhà cung cấp	1.091.377.173	570.338.802
Thu nhập khác	69.354.370	260.347.120
<b>Chi phí khác</b>	<b>(949.629.709)</b>	<b>(366.310.465)</b>
Chi phí phạt chậm giao hàng cho chủ đầu tư	(949.546.390)	(312.165.965)
Chi phí khác	(83.319)	(54.144.500)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>211.101.834</b>	<b>464.375.457</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	1.030.415.791.068	674.958.585.650
Chi phí lương cán bộ nhân viên	29.577.892.890	21.390.890.654
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (Thuyết minh số 9 và 10)	1.795.847.620	1.102.659.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.012.445.063	2.511.529.960
Chi phí khác	17.337.299.599	19.213.723.066
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.081.139.276.240</b>	<b>719.177.388.897</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 25% lợi nhuận thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm tài chính khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng tính thuế TNDN hiện hành được trình bày tóm tắt như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	32.561.270.586	28.557.569.885
Điều chỉnh các khoản tăng (giảm) lợi nhuận		
Chi phí không được khấu trừ	498.674.040	433.979.361
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>33.059.944.626</b>	<b>28.991.549.246</b>
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	8.264.986.157	7.247.887.312
<b>Thuế TNDN phải trả đầu năm</b>	<b>9.188.374.368</b>	<b>4.200.813.390</b>
Thuế TNDN đã trả trong năm	(15.583.042.008)	(2.260.326.334)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>1.870.318.517</b>	<b>9.188.374.368</b>



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

*Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc*

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	<u>3.774.264.000</u>	<u>2.217.996.000</u>

**27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi và các khoản đầu tư tài chính phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Rủi ro thị trường (tiếp theo)*

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Độ nhạy đối với lãi suất*

Bảng phân tích độ nhạy thể hiện sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất đối với các khoản tiền, tiền gửi có kỳ hạn, vay và nợ đối với lãi suất thả nổi.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>VNĐ Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>		
USD	+100	(617.930.718)
VNĐ	+100	1.440.213.044
USD	-100	617.930.718
VNĐ	-100	(1.440.213.044)
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>		
USD	+100	17.378.042
VNĐ	+100	849.262.073
USD	-100	(17.378.042)
VNĐ	-100	(849.262.073)

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái Công ty là không đáng kể.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường (tiếp theo)***

***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 835.646.000 VNĐ. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì sẽ lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 83.564.600 VNĐ, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 83.564.600 VNĐ.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Các công cụ tài chính khác***

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

# Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## 27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

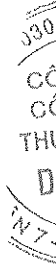
### *Rủi ro thanh khoản* (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>				
Các khoản vay và nợ	79.890.819.326	-	-	79.890.819.326
Phải trả người bán	97.064.166.503	11.593.553.400	38.645.178.000	147.302.897.903
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	84.750.773.204	-	-	84.750.773.204
	<b>261.705.759.033</b>	<b>11.593.553.400</b>	<b>38.645.178.000</b>	<b>311.944.490.433</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>				
Phải trả người bán	140.051.964.072	-	-	140.051.964.072
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	3.520.249.235	-	-	3.520.249.235
	<b>143.572.213.307</b>	-	-	<b>143.572.213.307</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.



# Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu Khí

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## 28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong các báo cáo tài chính riêng của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý		VNĐ
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng			
<b>Tài sản tài chính</b>							
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	835.646.000	-	-	-	835.646.000	-	-
- Cổ phiếu niêm yết							
- Cổ phiếu chưa niêm yết	53.026.687.800	(2.300.000.000)	43.500.000.000	(2.300.000.000)	50.726.687.800	41.200.000.000	
Phải thu khách hàng	68.144.072.267	-	-	-	68.144.072.267	-	
Phải thu các bên liên quan	32.396.135.923	-	56.021.096.230	-	32.396.135.923	56.021.096.230	
Phải thu khác	75.799.655.367	-	7.071.283.065	-	75.799.655.367	7.071.283.065	
Tiền và các khoản tương đương tiền	162.130.111.713	-	86.675.004.295	-	162.130.111.713	86.675.004.295	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>392.332.309.070</b>	<b>(2.300.000.000)</b>	<b>193.267.383.590</b>	<b>(2.300.000.000)</b>	<b>390.032.309.070</b>	<b>190.967.383.590</b>	
							VNĐ
<b>Nợ phải trả tài chính</b>							
Vay và nợ	79.890.819.326	-	-	-	79.890.819.326	-	-
Phải trả người bán	55.005.383.903	-	140.051.964.072	-	55.005.383.903	140.051.964.072	
Phải trả các bên liên quan	92.297.514.000	-	-	-	92.297.514.000	-	
Phải trả khác	84.750.773.204	-	3.520.249.235	-	84.750.773.204	3.520.249.235	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>311.944.490.433</b>	<b>-</b>	<b>143.572.213.307</b>	<b>-</b>	<b>311.944.490.433</b>	<b>143.572.213.307</b>	

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

**29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**30. SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Các số liệu tương ứng trên các báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của các báo cáo tài chính riêng năm nay.



Phạm Thị Hồng Yến  
Người lập



Nguyễn Ngọc Anh  
Kế toán trưởng



Trần Văn Mạnh  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013